

Số: *40* /BC-UBND

Bỉm Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng việc huy động và sử dụng các nguồn lực trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn

Thực hiện Văn bản số 1442/KHĐT-TH17/4/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị xây dựng báo cáo về đánh giá thực trạng việc huy động và sử dụng các nguồn lực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo theo những nội dung sau:

I. HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC TỪ TÀI NGUYÊN, THIÊN NHIÊN:

1. Nguồn lực từ điều kiện tự nhiên, địa hình, địa mạo:

Thị xã Bỉm Sơn có diện tích tự nhiên 6390,31 ha, chiếm 0,6% so với tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

- Vùng có địa hình đồi núi kéo dài từ Tây Bắc đến Bắc Đông Bắc với diện tích khoảng 5061,46 ha, bao gồm các phường: Bắc Sơn, Lam Sơn, Ngọc Trạo, Đông Sơn và Ba Đình. Trong vùng có các thung lũng khá bằng phẳng, đồi thấp và núi đá liên tiếp nhau. Chất lượng đất khá tốt phần lớn là đất xám Feralit trên nền đá vôi và đá biến chất có tầng đất khá dày, thuận lợi cho việc phát triển cây ăn quả, cây lâu năm, cây công nghiệp ngắn ngày và trồng rừng, phát triển đồng cỏ chăn nuôi gia súc. Bên cạnh đó có điều kiện thuận lợi phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và là vùng quy hoạch phát triển khu công nghiệp tập trung của tỉnh.

- Vùng có địa hình bằng phẳng với diện tích khoảng 1.600,12 ha, gồm các xã: Hà Lan và Quang Trung và phường Phú Sơn. Hiện tại chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, đây là vùng có tiềm năng để phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nhưng cũng là vùng đất dự trữ để phát triển đô thị, vì có địa hình bằng phẳng thuận lợi cho việc đầu tư phát triển các khu dân cư đô thị và dịch vụ.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

Theo tài liệu điều tra đất năm 2012 tỉnh Thanh Hóa của FAO - UNESCO, trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn hình thành 4 nhóm đất, 8 đơn vị đất với 9 đơn vị đất phụ.

2.2. Tài nguyên nước

- Nước mặt: Hệ thống sông ngòi, ao, hồ của Bỉm Sơn chủ yếu là các sông suối ngắn và ao hồ thì nhỏ hẹp. Vì vậy, nguồn nước mặt trên địa bàn nghèo nàn, biến động thất thường theo mùa: Mùa mưa thì ngập úng, mùa khô thì thiếu

nước. Trên địa bàn thị xã Bim Sơn có các suối như: Suối Sòng, Chín Giếng, Cỏ Đam, Khe Gõ, Ba Voi, Khe Cạn, các suối này đều đổ ra sông Hoạt qua kênh Tam Diệp. Tổng lưu lượng nước về mùa lũ khoảng 1.685.000 m³/ngày đêm; về mùa kiệt khoảng 9.513 m³/ngày đêm.

- Nước ngầm: Khá phong phú, do địa hình đá vôi và có nhiều hang động, các khe suối ngầm có thể cung cấp nước cho cả thị xã, qua kết quả thăm dò 56 km² khu vực thị xã Bim Sơn (Đoàn địa chất 47) được hội đồng trữ lượng nước Quốc gia thông qua khẳng định: Khu vực nước Bim Sơn có trữ lượng nước ngầm thuộc cấp A + B = 41.300 m³/ngày đêm.

Nhìn chung chất lượng nguồn nước mặt, nước ngầm không đảm bảo do bị ô nhiễm, hoặc nồng độ của các chất hòa tan trong nước quá tiêu chuẩn cho phép, vì vậy cần phải xử lý trước khi đưa vào sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất.

2.3. Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản có trên địa bàn thị xã Bim Sơn chủ yếu là đá vôi, đá sét. Theo tài liệu báo cáo hiện trạng sản xuất công nghiệp, tài nguyên khoáng sản của Sở Công nghiệp Thanh Hóa, Bim Sơn có các loại khoáng sản như sau: Đá vôi (mỏ Yên Duyên) có trữ lượng khoảng 3.000 triệu tấn, diện tích phân bố khoảng 1.000 ha; đá phiến sét (mỏ Cỏ Đam) trữ lượng khoảng 60 triệu tấn, diện tích phân bố khoảng 200 ha; Sét xi măng (mỏ Tam Diên) trữ lượng 240 triệu tấn, diện tích phân bố khoảng 200 ha; đất san lấp trữ lượng khoảng 3,5 triệu tấn, diện tích khoảng 10 ha; ngoài ra còn có 2 mỏ sét gạch ngói tại Đoài Thôn trữ lượng 19 triệu tấn với diện tích khoảng 30 ha. Đây là nguồn nguyên liệu dồi dào đảm bảo cho các nhà máy sản xuất xi măng và sản xuất gạch ngói lâu dài, ổn định.

3. Huy động các nguồn lực tài nguyên, thiên nhiên:

3.1. Những bước tiến mới trong sử dụng, quản lý tài nguyên:

Các quy hoạch, chiến lược về quản lý, sử dụng tài nguyên đã được lập đồng bộ và được rà soát cập nhật, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

Tài nguyên nước, đất đai, khoáng sản ngày càng được quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, đóng góp đáng kể vào thu ngân sách của Nhà nước. Trong năm 2016, thu từ khoáng sản đạt 16,9 tỷ đồng; thu từ đất đai đạt 4,4 tỷ đồng.

Công tác điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng tài nguyên có nhiều tiến bộ; khai thác sử dụng phù hợp hơn với cơ chế thị trường.

Công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường được tăng cường, đổi mới. Giải quyết khiếu nại tố cáo tiếp tục được quan tâm, bước đầu giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, doanh nghiệp liên quan đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

Tuy nhiên, mặc dù việc quản lý, khai thác tài nguyên tuy đã có nhiều đổi mới, tiến bộ, nhưng vẫn chưa thực sự hiệu quả, còn để xảy ra thất thoát, lãng phí. Công tác điều tra cơ bản và quy hoạch sử dụng tài nguyên chưa đáp ứng được yêu cầu. Mỏ vật liệu vẫn chưa được quy hoạch, dẫn đến việc cấp phép

thăm dò khai thác hiệu quả chưa cao; vẫn còn tình trạng khai thác trái phép khoáng sản. Đề nghị mạnh phát huy nguồn lực thiên nhiên, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

3.2. Giải pháp huy động nguồn lực tài nguyên, thiên nhiên:

Thực hiện các giải pháp toàn diện, đồng bộ để nâng cao năng lực ngành, trong đó đặc biệt chú ý nhiệm vụ rà soát lại chức năng, nhiệm vụ để cơ cấu, sắp xếp lại cho hợp lý; ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý tài nguyên, môi trường, dự báo thiên tai...; cải cách hành chính, đổi mới lề lối, quy trình, tác phong làm việc.

Tạo đột phá trong quản lý, sử dụng tài nguyên: xây dựng cơ chế khuyến khích việc tập trung, tích tụ ruộng đất; thiết lập khung pháp lý cho thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp về quyền sử dụng đất, nhất là với đất nông nghiệp. Khẩn trương hiện đại hóa hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai nhằm từng bước hiện đại hóa dịch vụ công về đất đai theo hướng chính phủ điện tử. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra của các bộ, ngành đối với việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định. Tập trung chỉ đạo để hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất đối với đất có nguồn gốc của các nông, lâm trường quốc doanh.

Đối với tài nguyên nước: Tăng cường công tác điều tra cơ bản, lập và triển khai quy hoạch tài nguyên nước. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động gây ô nhiễm, xả nước thải vào nguồn nước.

Đối với tài nguyên khoáng sản: Tập trung điều tra, đánh giá triển vọng khoáng sản của từng vùng; Lập quy hoạch phục vụ thăm dò, khai thác, chế biến và dự trữ khoáng sản toàn thị xã, toàn tỉnh. Tăng cường kiểm soát có hiệu quả sản lượng khai thác; hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

II. HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

1. Tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính năm 2016:

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2016 thực hiện **556.765 triệu đồng**. Trong đó: Thu cân đối ngân sách: 303.928 triệu đồng; Thu NS trung ương và NS tỉnh: 175.984 triệu đồng; Thu kết dư ngân sách năm trước: 12.445 triệu đồng; Thu chuyển nguồn ngân sách: 36.994 triệu đồng; Thu quản lý qua kho bạc: 27.414 triệu đồng.

Hầu hết các chỉ tiêu thu ngân sách địa phương đều hoàn thành và vượt mức dự toán giao. Như: thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 106% dự toán; Lệ phí trước bạ đạt 137% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân đạt 118% dự toán; Thuế tiền thuê mặt đất, mặt nước đạt 124% dự toán; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 124% dự toán...

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách bám sát dự toán, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh trên địa bàn. Những yêu cầu chi cần thiết, hợp lý đã được giải quyết đầy đủ, kịp thời. Công tác kiểm tra, kiểm soát chi được tăng cường do đó chi ngân sách đã đảm bảo đúng mục đích, bám sát chế độ và phát huy hiệu quả hơn. Các đơn vị đã thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Tổng chi thực hiện **364.913** triệu đồng đạt 195% so với dự toán Tỉnh giao (đạt 129% so với Thị giao). Chi đầu tư XD CB: 128.319 triệu đồng đạt 122% so với dự toán. Vốn đầu tư được giao cho từng công trình, dự án, thanh toán và quyết toán đúng quy định; tập trung trả nợ và tăng chi cho các công trình trọng điểm để đẩy nhanh tiến độ thi công. Chi thường xuyên: 173.781 triệu đồng, đạt 105% dự toán.

2. Tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính năm 2017:

Dự toán thu cân đối NSDP năm 2017 dự kiến là: 249.702 triệu đồng. Trong đó: Thu điều tiết NSDP: 173.642 triệu đồng; Thu bổ sung từ Ngân sách Tỉnh: 55.209 triệu đồng; Thu quản lý qua NSNN: 20.851 triệu đồng.

Căn cứ dự toán được phê duyệt, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào NSNN; phân tích đánh giá những nguyên nhân ảnh hưởng làm tăng, giảm nguồn thu đối với từng lĩnh vực, từng sắc thuế; đề ra các biện pháp thu có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành và phấn đấu tăng thu ngân sách để tăng cường nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Tổng chi NSDP năm 2017: 249.702 triệu đồng. Chi đầu tư XD CB: 73.026 triệu đồng; (trong đó: Chi từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: 44.089 triệu đồng; Chi XD CB tập trung từ các nguồn khác: 28.937 triệu đồng). Chi thường xuyên: 173.275 triệu đồng.

Trên cơ sở dự toán chi được giao, các đơn vị chủ động sử dụng kinh phí để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo tiết kiệm triệt để trong chi tiêu Ngân sách, gắn việc thực hiện Luật ngân sách với Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Trong năm không bổ sung ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của đơn vị (trừ trường hợp cần thiết cấp bách phải sử dụng dự phòng ngân sách hoặc bổ sung nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của Tỉnh).

III. HUY ĐỘNG VÀ PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

1. Tình hình phát triển sử dụng nguồn nhân lực:

1.1. Thực trạng huy động sử dụng nguồn nhân lực:

Dân số thị xã Bim Sơn hiện nay là 57.410 người, số người trong độ tuổi lao động là 32001 người; chủ yếu có 02 loại hình nhân lực: nhân lực là lao động phổ thông và nhân lực chất lượng cao, trong đó nhân lực phổ thông là chủ yếu và được phân bố như sau:

- Số lao động đang làm trong các thành phần kinh tế là 30.452 người.

- Số lao động không nằm trong hoạt động kinh tế như: đang đi học, nội trợ gia đình, tình trạng khác là 1.549 người, chiếm 4,8%.

- Lao động được đào tạo tay nghề là 20250 người, chiếm 66,5% số lao động trong độ tuổi cụ thể:

- Về trình độ tay nghề:

+ Sơ cấp nghề chiếm 6,1%;

+ Công nhân kỹ thuật không bằng chiếm 21,5%;

+ Trung cấp nghề chiếm 12%; Cao đẳng nghề 1,9%;

+ Trung cấp chuyên nghiệp 6,57%;

+ Cao đẳng chiếm 4,2%;

+ Đại học 2576 chiếm 8,76%;

+ Trên đại học chiếm 0,27%;

+ Lao động chưa qua đào tạo chiếm 33,5%.

- Về giới tính trong độ tuổi lao động: Nam chiếm 54,6%; nữ chiếm 45,4%

- Về độ tuổi lao động:

+ Từ 15 đến 17 chiếm 9,3%;

+ Từ 18-30 chiếm 30,1%; từ 30-44 chiếm 29,85%;

+ Từ 45-60 chiếm 30,75% (giảm 2,12%).

* Lao động Kỹ thuật đang làm trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh như sau:

+ Công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp chiếm 38,25%;

+ Nông lâm thủy sản chiếm 33,95%;

+ Dịch vụ chiếm 27,8%.

* Lao động là cán bộ công chức từ thị xã đến xã, phường:

- Tổng số cán bộ công chức trong hệ thống chính trị từ thị xã đến xã, phường: 250 người, trong đó:

- Cấp thị xã: có 116 người, gồm:

+ Trình độ chuyên môn: thạc sỹ 9 = 7,7%, Đại học 89 = 76,78%, cao đẳng 4=3,45%, trung cấp 8= 6,90%, kỹ thuật 6= 5,17%;

+ Trình độ lý luận: cử nhân 1 =0,86%, cao cấp 28= 24,14%, trung cấp 17= 14,66%, sơ cấp 21= 18,1%

- Cấp phường (xã): có 134 người:

+ Trình độ chuyên môn: đại học 46 = 34,3%; , cao đẳng 17 = 12,7%; trung cấp 62=46,3%; sơ cấp : 1= 0,73%, chưa qua đào tạo 8= 5,97%.

+ Trình độ lý luận: cao cấp: 2= 1,49%, Trung cấp: 72 = 53,73%, sơ cấp 5= 3,73%, chưa qua đào tạo 55= 41,05%.

* Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, sự nghiệp khác: 994 người, trong đó:

- GD&ĐT: 725 người, thạc sỹ 21, đại học 431, cao đẳng 161, trung học 112.

- Y tế: 197 người, thạc sỹ 9, đại học 54, cao đẳng 21, trung cấp 103, sơ cấp 10.

- Văn hoá: 32, trong đó thạc sỹ: 01; đại học 13, Cao đẳng: 7 trung cấp 8, kỹ thuật 3.

- Sự nghiệp khác: 17 người, trong đó đại học 13, trung cấp 2, kỹ thuật 2.

1.2. Phát triển nguồn nhân lực:

- Số lao động được đào tạo nghề dự kiến năm 2017 là 75,5% ;
- Số lao động trong công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ là 30,78%; lao động trong nông nghiệp là 21,72% xu thế lao động nông nghiệp chuyển sang dịch vụ và xây dựng.

1.3. Tình hình phát triển nguồn lực đặc thù:

- Đã quy hoạch nguồn cán bộ cấp Thị xã nhiệm kỳ 2015-2020: 230 người; cán bộ cấp xã, phường : 331 người,
- Tuyển dụng mới công chức, viên chức cấp thị: 8 người; công chức, viên chức cấp xã: 6 người; tuyển dụng 103 giáo viên mầm non.
- Đào tạo bồi dưỡng: đã cử đi học bồi dưỡng và học nâng cao trình độ 112 người, hiện có 11 người có trình độ sau đại học; có 100% cán bộ công tác Đảng, Đoàn thể được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng, công tác Đoàn thể; cán bộ nhà nước được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo chuyên ngành; có 60% Trưởng, phó các phòng, ban chuyên môn cao cấp lý luận, 45% trung cấp lý luận. Chuyên viên cấp thị 50% có trình độ lý luận trung cấp; có 75% Cán bộ chủ chốt, công chức cấp phường, xã tốt nghiệp đại học chuyên môn; 50% có trình độ lý luận trung cấp.
- Trường Trung cấp nghề Bim Sơn phát huy tốt năng lực đào tạo, thường xuyên duy trì số lượng trên 500 học sinh học nghề, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu về nhân lực có chất lượng cho các nhà đầu tư tại địa phương.

1.4. Công tác phát triển sản xuất thu hút nhân lực:

- Thị xã ban hành cơ chế là Nghị quyết 57/2013/NQ-HĐND ngày 27/12/2013 về phê chuẩn cơ chế hỗ trợ kinh phí để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn thị xã Bim Sơn giai đoạn 2014-2015. Đã thu hút được 14 bác sỹ về công tác tại Thị xã.
- Kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực về Bim Sơn, trên cơ sở đó có điều kiện để thu hút lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao. Tạo điều kiện thu hút cán bộ quản lý, doanh nhân có kiến thức kinh doanh giỏi về công tác tại các danh nghiệp trên địa bàn thị xã; đề nghị các doanh nghiệp khi tuyển dụng lao động trước hết ưu tiên con em trên địa bàn Bim Sơn.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Số học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT chưa mặn mà trong việc học nghề; một số nghề được đào tạo nhưng khó tìm việc làm. Mặt khác, thông tin thị trường lao động hạn chế, nên người lao động còn lúng túng trong việc lựa chọn ngành nghề học với việc làm sau đào tạo.

- Lao động đặc thù: Số giáo viên dạy nghề phần lớn mới chỉ “thiên” về đào tạo định hướng nghề; số lượng giáo viên bậc TH, MN còn thiếu so với nhu cầu; THCS vừa thừa, lại vừa thiếu.

- Các cơ sở thiếu thợ bậc cao, thợ có tay nghề giỏi; kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc trong doanh nghiệp, trình độ ngoại ngữ, tin học của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức chưa đáp ứng được nhu cầu hiện nay. Số sinh viên hộ khẩu thị xã tốt nghiệp có việc làm hàng năm khoảng trên 90%; không có việc làm trên địa bàn năm 2016 khoảng 441 người trong đó: trung cấp nghề 74 người, cao đẳng nghề 42 người, trung cấp chuyên nghiệp 43 người, cao đẳng 98 người, đại học 152 người, thạc sỹ 2 người (ngành sư phạm); số sinh viên ra trường có việc làm nhưng không đúng ngành nghề đào tạo: khoảng 17 người (số tốt nghiệp cao đẳng, đại học đi làm thợ may, giày da, lông mi lông mày).

- Chương trình học nghề, kết quả học nghề, kinh phí dạy nghề chưa đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay.

IV. MÔI TRƯỜNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỂ HUY ĐỘNG VÀ PHÁT HUY MỌI NGUỒN LỰC CŨNG NHƯ SỨC SÁNG TẠO CỦA NHÂN DÂN

Để huy động và phát huy mọi nguồn lực cũng như sức sáng tạo của nhân dân trong những năm qua thị xã Bim Sơn đã thực hiện tốt các nội dung như:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính.

- Đổi mới nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tăng cường phát huy dân chủ, thực hiện tốt công tác phản biện xã hội; công tác công, khai minh bạch trong hoạt động của các bộ máy chính quyền.

- Tổ chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để nắm bắt, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc cho nhân dân và tổ chức.

- Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Qua đó thị xã đã tạo dựng được lòng tin trong nhân dân, phát huy được nguồn lực cũng như sức sáng tạo của nhân dân.

UBND thị xã Bim Sơn báo cáo đánh giá thực trạng việc huy động và sử dụng các nguồn lực trên địa bàn thị xã./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;

- Lưu: VT.



Bùi Huy Hùng